

Số: 06/2020/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách thực hiện đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; người lao động vận hành lò đốt rác thải quy mô xã, liên xã (gọi chung là người lao động); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung, đối tượng, điều kiện, mức, phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng khu xử lý rác thải

a) Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa và Lục Nam.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; khu xử lý rác thải quy mô liên huyện (tại huyện Hiệp Hòa, huyện Lục Nam) có diện tích sử dụng đất không quá 10 ha, công suất xử lý từ 100 tấn/ngày trở lên, thực hiện trong giai đoạn 2020 -2022.

c) Mức hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phương thức hỗ trợ: Kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh được phân bổ, hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện hằng năm theo mức hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các lò đốt rác

a) Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm thành phố Bắc Giang).

b) Điều kiện hỗ trợ: Có dự án khu xử lý rác thải quy mô xã hoặc liên xã, sử dụng công nghệ lò đốt công suất xử lý từ 05 tấn/ngày trở lên, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, thực hiện trong giai đoạn 2020-2022.

c) Mức hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí mua lò đốt, mức hỗ trợ bằng 70% giá trị lò đốt tại các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế; bằng 50% giá trị lò đốt tại các huyện: Yên Dũng, Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Lục Nam, Việt Yên. Phần kinh phí còn lại do Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối bố trí.

d) Phương thức hỗ trợ: Kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh được phân bổ, hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện hằng năm, sau khi lò đốt đi vào hoạt động, được nghiệm thu.

3. Hỗ trợ phương tiện, dụng cụ thu gom, vận chuyên rác thải sinh hoạt

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách.

b) Điều kiện hỗ trợ: Được Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn và ký hợp đồng (tối thiểu 03 năm) thực hiện cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyên rác thải sinh hoạt trên địa bàn về các khu xử lý rác thải quy mô xã, liên xã, liên huyện.

c) Mức hỗ trợ: Theo khả năng cân đối từ ngân sách cấp huyện.

d) Phương thức hỗ trợ: Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách đối với phần kinh phí đã mua sắm phương tiện, dụng cụ theo kết quả nghiệm thu, quyết toán.

4. Hỗ trợ kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt

a) Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm thành phố Bắc Giang).

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Rác thải được xử lý tại khu xử lý đầu tư từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (doanh nghiệp đầu tư): Có hợp đồng với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt hoặc công nghệ tiên tiến khác; có dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí xử lý rác thải hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rác thải được xử lý tại khu xử lý đầu tư từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ tiền công cho người lao động thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách được Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, giao nhiệm vụ vận hành khu xử lý quy mô xã và liên xã (trực tiếp vận hành các lò đốt rác); có dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ tiền công cho người lao động thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách được Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, giao nhiệm vụ trực tiếp thu gom rác thải về các điểm tập kết, khu xử lý rác thải; có dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ:

- Rác thải được xử lý tại khu xử lý được đầu tư từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (doanh nghiệp đầu tư): Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí xử lý.

- Rác thải được xử lý tại khu xử lý được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ tiền công cho người lao động trực tiếp vận hành lò đốt quy mô xã, liên xã. Mức hỗ trợ là 170 triệu đồng/xã/năm đối với lò đốt quy mô xã và 210 triệu đồng/xã/năm đối với lò đốt quy mô liên xã.

- Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ tiền công cho người lao động trực tiếp thu gom rác thải. Mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/xã/năm đối với các xã có dân số từ 5.000 người trở xuống và 100 triệu đồng/xã/năm đối với các xã có dân số trên 5.000 người.

- Phần kinh phí còn lại do Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối bố trí.

d) Phương thức hỗ trợ: Kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh được phân bổ, hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện hằng năm theo mức hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Kinh phí hỗ trợ thực tế hằng năm (xử lý rác tại khu xử lý do doanh nghiệp đầu tư) được xác định trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng rác thải đã xử lý giữa địa phương với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ, được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: ^{Lưu}

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin đại biểu dân cử Bắc Giang;
- TT thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hải

